

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện.

2. Bà Huỳnh Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2022/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1999; *nơi cư trú:* Số A, đường số B, tổ C, thôn D, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Q, sinh năm 1998; *nơi đăng ký HKTT:* Số A, đường số B, tổ C, thôn D, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; *nơi cư trú:* Tổ E, APF, xã AT, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa có mặt anh H, vắng mặt chị Q (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/7/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2022, bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Phi H trình bày: Anh và chị Lê Thị Q tự

nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường hay cãi vã lẫn nhau nên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Do tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, chung sống không có hạnh phúc nên anh và chị Q đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau; mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn lại được, anh H đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Q.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, đơn xin xét xử vắng mặt đều lập ngày 04/7/2022 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Lê Thị Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Phi H kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Việc anh H ngoại tình thì chị có thể bỏ qua nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Vì lý do công việc và đi lại gặp nhiều khó khăn nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị trong các phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng việc hòa giải không thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật TTDS.

Về hôn nhân: Năm 2019, anh Nguyễn Phi H và chị Lê Thị Q tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện Đức Linh. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm chia sẻ cho nhau, chung sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Q đã thực sự nghiêm trọng, không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Lê Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 04/7/2022. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo trích lục kết hôn số 373/TLKH-BS, ngày 18/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Thấy rằng, hôn nhân giữa anh Nguyễn Phi H và chị Lê Thị Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do anh chị không biết quan tâm, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống hôn nhân. Anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường hay cãi vã nên không tìm được tiếng nói chung. Còn chị Q cho rằng anh H có ngoại tình với người phụ nữ khác. Mặc dù chị Q không đồng ý ly hôn, nhưng xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong khoảng thời gian hơn 01 năm sống ly thân, giữa anh chị đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, căn cứ vào

khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh H là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H là người khởi kiện ly hôn nên anh phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Phi H ly hôn chị Lê Thị Q.

2/ Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Phi H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009471 ngày 31/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08/8/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- UBND xã NC,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận